

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH PHÚ HÀ
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH PHÚ HÀ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PHU HA TRADING AND PRODUCTION COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: PHU HA TPC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109081896

3. Ngày thành lập: 07/02/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 40 ngõ 22 Phố Tạ Quang Bửu, Phường Bách Khoa, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Xây dựng nhà để ở	4101
2.	Xây dựng nhà không để ở	4102
3.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
4.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
5.	Xây dựng công trình điện	4221
6.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
7.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
8.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
9.	Xây dựng công trình thủy	4291
10.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
11.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo Chi tiết : Xây dựng công trình công nghiệp, chế biến, chế tạo	4293
12.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết : Xây dựng công trình khác không phải nhà như: công trình thể thao ngoài trời.	4299
13.	Phá dỡ	4311
14.	Chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm dò mìn, nổ mìn)	4312
15.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
16.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322

17.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không phải hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí hoặc máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm cả bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị này; Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như: Thang máy, thang cuốn, cửa cuốn, cửa tự động, dây dẫn chống sét, hệ thống hút bụi, hệ thống âm thanh, hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung.	4329
18.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
19.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết : Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc, các công việc về chống ẩm và chống thấm nước, chống ẩm các toà nhà; Xây dựng bể bơi ngoài trời, Lắp dựng các kết cấu thép không thể sản xuất nguyên khối, Uốn thép, Xây gạch và đặt đá, lợp mái các công trình nhà để ở, Lắp dựng và dỡ bỏ cốp pha, giàn giáo, loại trừ hoạt động thuê cốp pha, giàn giáo, Lắp dựng ống khói và lò sấy công nghiệp, Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng treo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao; Các công việc dưới bề mặt; Xây dựng bể bơi ngoài trời; Rửa bằng hơi nước, phun cát và các hoạt động tương tự cho mặt ngoài công trình nhà; thuê cần trục có người điều khiển.	4390
20.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết : Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển;	7730
21.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
22.	Cho thuê xe có động cơ	7710
23.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết : Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan; Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan	4661
24.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết : Bán lẻ dầu, mỡ bôi trơn và sản phẩm làm mát động cơ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác.	4730
25.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết : Khách sạn; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
26.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết : Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống	5610
27.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết : Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; xi măng; gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; kính xây dựng; sơn, vécni; gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; đồ ngũ kim;	4663

28.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết : Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
29.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết : Bán buôn sắt, thép	4662
30.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết : Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt Bán buôn phụ liệu may mặc và giấy dép	4669
31.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết : Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao	4649
32.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
33.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết : Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị y tế	4659
34.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
35.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
36.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
37.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết :Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
38.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết : Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác loại mới và loại đã qua sử dụng.	4511
39.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) Chi tiết : Bán lẻ ô tô con, loại 9 chỗ ngồi trở xuống không kể người lái, loại mới và loại đã qua sử dụng:	4512

40.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm hoạt động đầu giá)	4513
41.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
42.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm hoạt động đầu giá)	4530
43.	Bán mô tô, xe máy Chi tiết: Bán buôn, bán lẻ mô tô, xe máy.	4541
44.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
45.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (không bao gồm hoạt động đầu giá)	4543
46.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641(Chính)
47.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
48.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
49.	Sản xuất sợi	1311
50.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
51.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
52.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
53.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
54.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
55.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
56.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu Chi tiết : Sản xuất các sản phẩm tấm dệt khổ hẹp	1399
57.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
58.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
59.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
60.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
61.	Sản xuất giày, dép	1520
62.	Cửa, xe, bèo gỗ và bảo quản gỗ	1610
63.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
64.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
65.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
66.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
67.	In ấn (mặt hàng nhà nước cho phép)	1811
68.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
69.	Sản xuất hoá chất cơ bản (mặt hàng nhà nước cho phép)	2011
70.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022

71.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
72.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu (mặt hàng nhà nước cho phép)	2029
73.	Sản xuất sợi nhân tạo	2030
74.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
75.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
76.	Sản xuất thuỷ tinh và sản phẩm từ thuỷ tinh	2310
77.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
78.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
79.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
80.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
81.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
82.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
83.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu Chi tiết : Sản xuất vật liệu cách điện khoáng sản như: Sản xuất len xi, len đá, len khoáng sản tương tự, chất khoáng bón cây, đất sét và các nguyên liệu cách âm, cách nhiệt, thẩm âm;	2399
84.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
85.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu (trừ vàng miếng)	2420
86.	Đúc sắt, thép	2431
87.	Đúc kim loại màu	2432
88.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
89.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
90.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
91.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
92.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
93.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết : Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh	2599
94.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
95.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
96.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
97.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
98.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
99.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
100.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731

101.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
102.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
103.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
104.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
105.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
106.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
107.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
108.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
109.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi (chỉ hoạt động khi nhà nước cho phép)	8220
110.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
111.	Dịch vụ đóng gói	8292
112.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
113.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
114.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
115.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
116.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
117.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
118.	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu	9529
119.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
120.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
121.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
122.	Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ	9632
123.	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ	9633
124.	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết : Dịch vụ đánh giày, khâu vá, giúp việc gia đình;	9639
125.	Hoạt động làm thuê công việc gia đình trong các hộ gia đình	9700
126.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
127.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
128.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
129.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
130.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
131.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lá trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
132.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742

133.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
134.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
135.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
136.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
137.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
138.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
139.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
140.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
141.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
142.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
143.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
144.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
145.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
146.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
147.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
148.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	4799
149.	Quảng cáo (mặt hàng nhà nước cho phép)	7310
150.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (không bao gồm kinh doanh bất động sản)	5210
151.	Bốc xếp hàng hóa	5224
152.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết : Hoạt động trang trí nội thất.	7410
153.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
154.	Trồng cây hàng năm khác Chi tiết : Trồng cây dược liệu, hương liệu hàng năm	0119
155.	Trồng cây ăn quả	0121
156.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
157.	Trồng cây điều	0123
158.	Trồng cây hồ tiêu	0124
159.	Trồng cây cà phê	0126

160.	Trồng cây chè	0127
161.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
162.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
163.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: đại lý bán vé máy bay	5229
164.	Đại lý du lịch	7911
165.	Điều hành tua du lịch	7912
166.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
167.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
168.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
169.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062

6. Vốn điều lệ: 1.500.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: _____ Giới tính: _____
 Sinh ngày: _____ Dân tộc: _____ Quốc tịch: _____
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: _____
 Số giấy chứng thực cá nhân: _____
 Ngày cấp: _____ Nơi cấp: _____
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: _____
 Chỗ ở hiện tại: _____

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: HÀ THANH PHÚ _____ Giới tính: *Nam*
 Chức danh: *Giám đốc*
 Sinh ngày: *11/10/1981* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*
 Số giấy chứng thực cá nhân: *013126054*
 Ngày cấp: *24/10/2008* Nơi cấp: *Công an Thành phố Hà Nội*
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 5B- nhà Z3 Phố Tạ Quang Bửu, Phường Bách Khoa, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*
 Chỗ ở hiện tại: *Số 5B- nhà Z3 Phố Tạ Quang Bửu, Phường Bách Khoa, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội